

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2006/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010
và định hướng đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Thủy sản tại tờ trình số 903/TTr-BTS ngày 26 tháng 4 năm 2005 và tờ trình số 2814/TTr-BTS ngày 29 tháng 11 năm 2005, ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 5319/BKH-TĐ&GSĐT ngày 09 tháng 8 năm 2005,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển ngành thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, có cơ cấu sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng trong nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục giữ vững là ngành có kim ngạch xuất khẩu cao và có tỷ trọng GDP đáng kể trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong các năm tới.

2. Phát triển ngành thủy sản nhanh và bền vững trên cơ sở khai thác, sử dụng tốt mọi tiềm năng về đất đai, mặt nước và lao động, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ sản xuất; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, có cơ cấu hợp lý giữa khai thác với nuôi trồng, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái.

II. ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Tiếp tục phát huy lợi thế về tiềm năng, trên cơ sở công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển các vùng sản xuất tập trung gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ nghề cá, hình thành các trung tâm nghề cá lớn tại một số trọng điểm ven biển và đồng bằng Nam Bộ.

2. Đa dạng cơ cấu sản phẩm thủy sản chế biến, đồng thời phát triển sản xuất một số loại sản phẩm chủ lực mang tính đặc trưng của thủy sản Việt Nam, có giá trị và sức cạnh tranh cao để chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu, giữ vững là ngành có kim ngạch xuất khẩu cao.

3. Đồng thời với phát triển khai thác xa bờ hợp lý, ổn định khai thác vùng ven bờ, phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản, đa dạng hình thức nuôi và cơ cấu giống nuôi, nhất là nuôi trên biển, nhằm khai thác tiềm năng còn lớn, giải quyết việc làm lao động nông thôn ven biển, có thu nhập ổn định, góp phần quan trọng bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường sinh thái ven biển bền vững, đồng thời là nguồn cung cấp chủ yếu nguyên liệu cho xuất khẩu.

III. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2010

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng ngành thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hoá lớn, có sức cạnh tranh cao, có kim ngạch xuất khẩu lớn, có khả năng tự đầu tư phát triển, góp phần đáng kể phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhất là các vùng ven biển, hải đảo.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Một số chỉ tiêu tăng trưởng thời kỳ 2006 - 2010:

- Sản lượng tăng với tốc độ bình quân 3,8%/năm;

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng với tốc độ bình quân 10,63%/năm;
- Lao động nghề cá tăng bình quân 3%/năm.

b) Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2010 đạt 3,5 - 4 triệu tấn. Trong đó:

- Sản lượng nuôi trồng đạt 2 triệu tấn;
- Sản lượng khai thác hải sản đạt 1,5 - 1,8 triệu tấn;
- Sản lượng khai thác nội địa đạt 0,2 triệu tấn.

c) Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 4 tỷ USD.

d) Số lao động nghề cá năm 2010 đạt 4,7 triệu người.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Khai thác hải sản

a) Sản lượng khai thác hải sản đến năm 2010 giữ mức từ 1,5 - 1,8 triệu tấn (Vịnh Bắc Bộ 0,27 triệu tấn, vùng biển miền Trung 0,37 triệu tấn, vùng biển Đông Nam Bộ 0,71 triệu tấn, vùng biển Tây Nam Bộ 0,2 triệu tấn, vùng giữa biển Đông, cá nổi đại dương và hợp tác khai thác ở vùng biển quốc tế 0,25 triệu tấn).

b) Số lượng tàu thuyền đánh cá đến năm 2010 giữ ở mức 50.000 chiếc, trong đó:

- Số lượng tàu có công suất máy lớn hơn 75 CV: 6.000 chiếc;
- Số lượng tàu có công suất máy từ 46 - 75 CV: 14.000 chiếc;
- Số lượng tàu có công suất máy từ 21 - 45 CV: 20.000 chiếc;
- Số lượng tàu có công suất máy từ 20 CV trở xuống: 10.000 chiếc.

c) Lao động đánh cá giữ ổn định ở mức 0,5 triệu người.

2. Nuôi trồng thủy sản

a) Sản lượng nuôi trồng thủy sản đến năm 2010 đạt 2 triệu tấn. Trong đó: nuôi nước ngọt đạt 0,98 triệu tấn, nuôi mặn lợ đạt 1,02 triệu tấn (nuôi biển đạt 0,2 triệu tấn).

b) Diện tích đưa vào nuôi trồng thủy sản từ 1,1 - 1,4 triệu ha. Trong đó: diện tích nuôi nước ngọt từ 0,5 - 0,6 triệu ha, diện tích nuôi mặn lợ từ 0,6 - 0,8 triệu ha.

3. Chế biến và xuất khẩu thủy sản

a) Nâng cấp đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ, đổi mới trang thiết bị các cơ sở chế biến thủy sản hiện có và phát triển thêm để nâng tổng công suất cấp đông lên 3.500 - 4.000 tấn/ngày vào năm 2010.

b) Đến năm 2010 các cơ sở chế biến thủy sản (theo phương thức công nghiệp) đều đạt tiêu chuẩn ngành về điều kiện an toàn vệ sinh và thú y thủy sản; phấn đấu áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ở doanh nghiệp có điều kiện.

c) Đa dạng hoá các mặt hàng thủy sản chế biến, nâng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng và tươi sống. Đến năm 2010 đưa sản lượng thủy sản chế biến xuất khẩu đạt 891.000 tấn với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 4 tỷ USD.

4. Phát triển theo các vùng kinh tế - sinh thái

a) Vùng đồng bằng sông Hồng: tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản trên các loại mặt nước ngọt, mặn lợ, đặc biệt các vùng ruộng trũng, eo vịnh với một số đối tượng chủ yếu như: cá rô phi, tôm các loại, cá song, cá giò, cá vược, vẹm xanh, trai cấy ngọc...; nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp hợp lý để khai thác có hiệu quả các ngư trường khai thác trọng điểm và vùng đánh cá chung theo Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ; nâng cấp các nhà máy chế biến hiện có; hình thành các trung tâm hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển.

b) Vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung: tập trung đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản mặn lợ, đặc biệt phát huy thế mạnh nuôi biển, tập trung một số đối tượng chủ yếu như: nuôi tôm các loại, sò huyết, bào ngư, trai cấy ngọc, cá song, cá giò, cá hồng ...; hình thành các vùng sản xuất giống tập trung; tăng cường đầu tư để phát triển khai thác xa bờ; nâng cấp các nhà máy chế biến hiện có và phát triển thêm một số nhà máy; hình thành các trung tâm hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển.

c) Vùng Đông Nam Bộ: phát triển nuôi nước ngọt hồ chứa và nuôi biển với một số đối tượng chủ yếu: cá song, cá giò, cá rô phi, tôm các loại ...; đầu tư phát triển hợp lý đội tàu khai thác xa bờ; nâng cấp các nhà máy chế biến hiện có; hình thành các trung tâm hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển.

d) Vùng đồng bằng sông Cửu Long: phát triển nuôi trồng thủy sản trên tất cả các loại mặt nước, đặc biệt nuôi tôm, cá tra, ba sa, sò huyết, nghêu và một số loài cá biển; củng cố và nâng cấp đội tàu đánh bắt xa bờ hiện có; nâng cấp các nhà máy chế biến